

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần : **NHẬP MÔN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

(Introduction to Chinese Language Studies)

- Mã số học phần : **1910112**

- Số tín chỉ học phần : 02 tín chỉ

Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học/ Cao đẳng

- Số tiết học phần :

- Nghe giảng lý thuyết : 15 giờ
- Thực hành (Làm bài tập trên lớp, Thảo luận, Hoạt động theo nhóm) : 15 giờ
- Tự học : 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Các tổ bộ môn tiếng Trung

2. Học phần trước:**3. Mục tiêu của học phần:**

Học phần được thiết kế để giúp SV nắm bắt làm quen với môi trường học tập mới, trang bị cho SV về định hướng nghề nghiệp (chuyên ngành), các kỹ năng phát triển cá nhân (kỹ năng mềm) cũng như ý thức nền tảng đạo đức nghề nghiệp. SV có thể chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu ở bậc Đại học/ Cao đẳng, chuẩn bị phát triển nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1 Hiểu biết về chương trình đào tạo, về ngành nghề được đào tạo; Liên hệ được mục đích của các môn học trong chương trình đào tạo với các yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.	GLO-3
	4.1.2 Thay đổi tư duy học tập phù hợp với yêu cầu của bậc Đại học và ngành học.	
	4.1.3 Biết các Quy chế của Bộ GD-ĐT, các qui định của Trường về đào tạo bậc Đại học liên quan đến quyền lợi, và trách nhiệm của SV.	
Kỹ năng	4.2.1 Hình thành Phương pháp và Kỹ năng học đại học.	PLO-S5
	4.2.2 Xây dựng kế hoạch học tập, hoạt động cá nhân.	
	4.2.3 Hình thành kỹ năng làm việc nhóm.	
Thái độ	4.3.1 Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy nơi học tập/ làm việc;	PLO-A3
	4.3.2 Linh hoạt, tích cực học tập/ làm việc trong mọi điều kiện	PLO-A4
	4.3.3 Có khả năng học tập/ làm việc độc lập hoặc làm	PLO-A5

	việc theo nhóm	
--	----------------	--

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về ngành học; định hướng nghề nghiệp (chuyên ngành); hình thành phương pháp học tập mới phù hợp với yêu cầu của bậc học, ngành đào tạo; tự tin, làm chủ quá trình đào tạo, tự thiết kế kế hoạch học tập, hoạt động cá nhân (ngắn hạn, dài hạn), gồm các nội dung chính:

5.1 Giới thiệu về Trường – Khoa

5.2 Giới thiệu về ngành học và nghề nghiệp liên quan đến ngành học

1. Giới thiệu nội dung chương trình đào tạo (CTĐT)
 - a. Kiến thức cơ sở ngành
 - b. Kiến thức ngành chính
 - c. Kiến thức chuyên ngành
2. Hướng dẫn thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT
3. Vai trò của ngành học trong đời sống và xã hội
4. Các ngành nghề liên quan đến ngành học
5. Cơ hội làm việc và học tập nâng cao trình độ

5.3 Phương pháp và Kỹ năng học Đại học

1. Suy nghĩ về việc học
2. Kỹ năng (KN) Nghe giảng và tham gia vào bài giảng
3. KN Đọc để học
4. PP nghiên cứu và viết báo cáo học thuật
5. KN xử lý tình huống (giải quyết mâu thuẫn, quản lý thời gian, giảm stress...)
6. Hợp tác trong học tập (KN học nhóm, làm việc nhóm)
7. KN thuyết trình/ báo cáo
8. Thực hiện dự án nhỏ
9. Xây dựng kế hoạch học tập

5.4 Giới thiệu về PP học tập các môn/ nhóm môn trong CTĐT

1. Phương pháp học tập (PPHT) các học phần kỹ năng tiếng
2. PPHT các học phần Văn minh - Văn học
3. PPHT các học phần Lý thuyết tiếng
4. PPHT các học phần chuyên ngành

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy (Gồm lý thuyết và thực hành)

Đối tượng áp dụng: từ khóa 2015

Buổi/Tiết	Nội dung	Ghi chú
1/3	5.1 Giới thiệu về Trường - Khoa 5.2 Giới thiệu về ngành học và nghề nghiệp liên quan đến ngành học 1. Giới thiệu nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) a.Kiến thức cơ sở ngành b.Kiến thức ngành chính c.Kiến thức chuyên ngành 2.Hướng dẫn thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT 3.Vai trò của ngành học trong đời sống và xã hội	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.1.3

	4.Các ngành nghề liên quan đến ngành học 5.Cơ hội làm việc và học tập nâng cao trình độ	
2/3	5.3 PP và Kỹ năng học ĐH 1.Suy nghĩ về việc học 2.Kỹ năng (KN) Nghe giảng và tham gia vào bài giảng 3.KN Đọc để học 4.PP nghiên cứu và viết báo cáo học thuật	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.3.1 4.3.2
3/3	5.3 PP và Kỹ năng học ĐH (tt) 5. KN xử lý tình huống (KN giải quyết đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề)	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.3.1 4.3.2
4/3	5.3 PP và Kỹ năng học ĐH (tt) 6. Hợp tác trong học tập/ làm việc (KN học nhóm, làm việc nhóm)	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.3.1 4.3.2 4.3.3
5/3	5.3 PP và Kỹ năng học ĐH (tt) 7.KN thuyết trình/ báo cáo	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
6/3	5.3 PP và Kỹ năng học ĐH (tt) 8. Thực hiện dự án nhỏ 9. Xây dựng kế hoạch học tập	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
7/3	5.4 Giới thiệu về PP học tập các môn/ nhóm môn trong CTĐT 1.Phương pháp học tập (PPHT) các học phần kỹ năng tiếng	Giải quyết mục tiêu 4.1.2 4.2.1 4.3.1
8/3	5.4 Giới thiệu về PP học tập các môn/ nhóm môn trong CTĐT (tt) 1.Phương pháp học tập (PPHT) các học phần kỹ năng tiếng (tt)	4.1.2 4.2.1 4.3.1
9/3	5.4 Giới thiệu về PP học tập các môn/ nhóm môn trong CTĐT (tt) 1.PPHT các học phần Văn minh - Văn học 2.PPHT các học phần Lý thuyết tiếng	4.1.2 4.2.1 4.3.1
10/3	5.4 Giới thiệu về PP học tập các môn/ nhóm môn trong CTĐT (tt) 3.PPHT các học phần chuyên ngành Giải đáp thắc mắc	4.1.2 4.2.1 4.3.1

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Yêu cầu đối với sinh viên	- Phải thực hiện theo đúng quy định của trường.
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có đám cưới, đám tang hoặc nằm viện có giấy ra viện.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trong 15 buổi học, sinh viên chỉ được vắng 1 buổi, nếu vắng buổi thứ 2 sẽ bị trừ 50% điểm chuyên cần; vắng buổi thứ 3 trừ 100% điểm chuyên cần. Và vắng buổi thứ 4 thì bị hủy toàn bộ điểm quá trình . - Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện. - Thực hiện bài thu hoạch của từng buổi học. - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
Quy định về học vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm bài thu hoạch kết thúc các chuyên đề	Số bài thu hoạch SV phải làm: 10 bài	100%	4.2.1; 4.2.4; 4.3

8.2. Cách tính điểm: 100%

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

- [1] Chỉ nam Huflit (Chương trình đào tạo ngành)
- [2] Những kỹ năng học tập/ nghiên cứu hiệu quả trong 5 bước đơn giản, Cheryl A. Lentz, Dịch giả Bùi Thanh Châu, Nxb Hồng Đức, 2014
- [3] Học viết chữ Hán cấp tốc, TS Nguyễn Thị Minh Hồng (bản dịch), Nxb Tổng hợp tp.HCM

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4] Sổ tay người học tiếng Hoa, Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Nxb KHXH, 2012

[5] 7 Thói Quen Hiệu Quả của **Stephen R. Covey**. Bản tiếng Việt do Trường Doanh nhân PACE độc quyền phát hành phiên bản Tiếng Việt từ năm 2016.

9.3 Các tài liệu học tập khác: do giảng viên giới thiệu trong chuyên đề được phân công

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Suy nghĩ về việc học Chọn lớp Chọn môn chính	6		[9] Chương 3 [9] Chương 4
2	Chìa khóa của thành công PP nghiên cứu và viết báo cáo học thuật	3	0	[9] Chương 5: Trang 154 [6], [7], [8]
3	Các thói quen, các kỹ năng cần có để học tập, làm việc, hội nhập Học bên ngoài lớp học	6	0	[9] Chương 6: Trang 178 [6], [7], [8]
4	Các thói quen, các kỹ năng cần có để học tập, làm việc, hội nhập (tt) Học bên ngoài lớp học	6	0	[9] Chương 6: Trang 178 [6], [7], [8]
5	KN thuyết trình/ báo cáo	6	0	[6], [7], [8]
6	Thực hiện dự án nhỏ Xây dựng kế hoạch học tập	6	0	[6], [7], [8]
7	Tìm hiểu về hệ thống phát âm của tiếng Hán	6	0	[4] Phần 1, A Ngữ âm và chữ viết
8	Tìm hiểu chữ Hán	6	0	[4] Phần 1, B Chữ Hán
9	Luyện tập viết chữ, nhận diện bộ thủ			[4] Phần 1, B Chữ Hán
10	Tương tác với giáo sư	6		[9] Chương 6

Ngày Tháng ... năm...
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày Tháng ... năm...
Tổ trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày Tháng ... năm...
Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày Tháng ... năm...
Ban giám hiệu